

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 277/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bị bãi bỏ lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 83/TTr-SNNMT ngày 02/02/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường, chi tiết tại Phụ lục kèm theo.

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường căn cứ Danh mục thủ tục hành chính được công bố tại Điều 1 Quyết định này có trách nhiệm:

1. Cung cấp đúng, đầy đủ nội dung, quy trình giải quyết thủ tục hành chính để niêm yết, công khai thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

2. Rà soát quy trình nội bộ, quy trình nội bộ liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính đã được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt để tham mưu quy trình mới, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đảm bảo theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các thủ tục hành chính hoặc các bộ phận tạo thành thủ tục hành chính được công bố tại Quyết định này có hiệu lực từ ngày văn bản quy phạm pháp luật có nội dung quy định về thủ tục hành chính hoặc bộ phận tạo thành thủ tục hành chính có hiệu lực thi hành.

Nội dung công bố thủ tục hành chính trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y tại Mục A Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1622/QĐ-UBND ngày 30/6/2025; lĩnh vực thú y tại Số thứ tự 5, 9, 10, 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1007/QĐ-UBND ngày 05/5/2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /*HL*

Nơi nhận: *mk*

- Như Điều 4;
- Bộ Tư pháp (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- CT, PCT UBND tỉnh (đ/c Văn);
- PCVP UBND tỉnh (đ/c Khánh, đ/c Hùng);
- Sở Khoa học và Công nghệ;
- Viễn thông Đắk Lắk, Bưu điện tỉnh;
- Các Phòng, TT: NNMT, CN&CTTĐT;
- Lưu: VT, PVHCC (B_02b).



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thiên Văn

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ TRONG LĨNH VỰC CHĂN NUÔI VÀ
THÚ Y THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /02/2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I	LĨNH VỰC CHĂN NUÔI						
1	1.011031	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Chăn nuôi; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	1.011032	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất sản phẩm xử lý chất thải chăn nuôi	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ.
3	1.008128	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Thẩm định để cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 2.300.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn.	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
					gia, địa chỉ: https://dichvu.cong.gov.vn/ ; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.	- Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
4	1.008129	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi đối với chăn nuôi trang trại quy mô lớn	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvu.cong.gov.vn/ ; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Thẩm định cấp lại (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 250.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện chăn nuôi trang trại quy mô lớn: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
5	1.008126	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	a) Đối với cơ sở sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh, thức ăn đậm đặc, thức ăn bổ sung: Trong thời hạn 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ. b) Đối với cơ sở sản xuất (sản xuất, sơ chế, chế biến) thức ăn chăn nuôi truyền thống nhằm mục đích thương mại, theo đặt hàng: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp phải đánh giá điều kiện thực tế): 5.700.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi (trường hợp không đánh giá điều kiện thực tế): 1.600.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
				nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ.			
6	1.008127	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi trên địa bàn (trừ trường hợp cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi xuất khẩu theo yêu cầu của nước nhập khẩu)	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Thẩm định cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 250.000 đồng/01 cơ sở/lần. - Thẩm định đánh giá giám sát duy trì điều kiện sản xuất thức ăn chăn nuôi: 1.500.000 đồng/01 cơ sở/lần.	- Luật Chăn nuôi; - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường; - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ; - Nghị định số 46/2022/NĐ-CP ngày 13/7/2022 của Chính phủ; - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
7	1.008122	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Cấp Giấy phép nhập khẩu thức ăn chăn nuôi chưa được công bố thông tin trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	350.000 đồng/01 sản phẩm/mục đích/lần	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 13/2020/NĐ-CP ngày 21/01/2020 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 24/2021/TT-BTC ngày 31/3/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
8	1.008124	Đăng ký kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Kiểm tra xác nhận chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Không	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực chăn nuôi và thú y. - Pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.
9	1.008125	Miễn giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Giảm kiểm tra chất lượng thức ăn chăn nuôi nhập khẩu	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Thực hiện theo quy định của pháp luật về chất lượng sản phẩm, hàng hóa	Không	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ.
10	3.000127	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung sản xuất trong nước	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ	Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/	Không	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
11	3.000128	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu	Công bố thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung nhập khẩu	Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ	Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/	Không	- Luật Chăn nuôi. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ.
12	3.000129	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Công bố lại thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ		Không	
13	3.000130	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Thay đổi thông tin sản phẩm thức ăn bổ sung	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ		Không	

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
II	LĨNH VỰC THÚ Y						
1	1.004756	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y (gồm: Sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	Cấp Chứng chỉ hành nghề thú y	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- 50.000 đồng/lần (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính). - 25.000 đồng/lần (áp dụng từ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính).	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
2	2.001064	Cấp, gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y thuộc thẩm quyền cơ quan quản lý chuyên ngành thú y cấp tỉnh (gồm tiêm phòng, chữa bệnh, phẫu thuật động vật; tư vấn các hoạt động liên quan đến lĩnh vực thú y; khám bệnh, chẩn đoán bệnh, xét nghiệm bệnh động vật; buôn bán thuốc thú y)	Gia hạn Chứng chỉ hành nghề thú y	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- 50.000 đồng/CCHN (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính). - 25.000 đồng/CCHN (áp dụng từ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính).	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Thông tư 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
3	1.004734	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp Chứng chỉ hành nghề thú y gồm: sản xuất, kiểm nghiệm, khảo nghiệm, xuất khẩu, nhập khẩu thuốc thú y)	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y	03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- 50.000 đồng/CCHN (theo quy định tại Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính). - 25.000 đồng/CCHN (áp dụng từ kể từ ngày 01/7/2025 đến hết ngày 31/12/2026 theo quy định tại Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính).	- Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015 của Quốc hội. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính. - Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30/6/2025 của Bộ Tài chính.
	1.005319	Cấp lại Chứng chỉ hành nghề thú y (trong trường hợp bị					

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
		mất, sai sót, hư hỏng; có thay đổi thông tin liên quan đến cá nhân đã được cấp. Chúng chỉ hành nghề thú y) - Cấp Tỉnh					
4	1.002549	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvu.cong.gov.vn/ ;	- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000	- Luật Thú y. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính Phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ.
5			Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ	- Qua dịch vụ bưu chính công ích.		

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	sơ đầy đủ, hợp lệ		đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/ lần.	- Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.
6	1.002432	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin) trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/ ; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thú y. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
7	1.013809	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc xin)	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng được phẩm, vắc xin)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ.	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); Hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	- Luật Thú y. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ. - Điều 22 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
8	1.013813	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	Sửa đổi Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc xin)	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	- Cơ sở mới thành lập có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng); hoặc cơ sở đang hoạt động có 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.025.000 đồng/lần. - Cơ sở mới thành lập có từ 2 dây chuyền (hoặc 2 phân xưởng) trở lên: 1.300.000 đồng/lần. - Cơ sở đang hoạt động có 1 dây chuyền (hoặc 1 phân xưởng): 700.000 đồng/lần.	- Luật Thú y. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ. - Điều 22 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
9	1.013811	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất thuốc thú y có chứa chất ma túy, tiền chất (trừ sản xuất thuốc thú y dạng dược phẩm, vắc-xin)	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thú y. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
10	1.002409	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Kiểm tra điều kiện nhập khẩu thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 450.000 đồng/lần	- Luật Thú y. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 105/2021/NĐ-CP ngày 04/12/2021 của Chính phủ; - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ. - Điều 22 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
11	1.002373	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y (trong trường hợp bị mất, sai sót, hư hỏng; thay đổi thông tin có liên quan đến tổ chức đăng ký)	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện nhập khẩu thuốc thú y trong trường hợp bị sai sót, thay đổi thông tin liên quan đến tổ chức, cá nhân đăng ký	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thú y. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường; - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ. - Điều 26 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ.

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
12	1.001686	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	08 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Kiểm tra điều kiện cơ sở buôn bán thuốc thú y, thuốc thú y thủy sản: 230.000/lần	- Luật Thú y. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ. - Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ. - Thông tư số 101/2020/TT-BTC ngày 23/11/2020 của Bộ Tài chính.
13			Gia hạn Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y				

TT	Mã số TTHC	Tên TTHC được sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên cũ)	Tên TTHC sửa đổi, bổ sung, thay thế (tên mới)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
14	1.004839	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc thú y	05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ	- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh/cấp xã; - Trực tuyến qua Cổng dịch vụ công Quốc gia, địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn/; - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không	- Luật Thú y. - Luật số 146/2025/QH15 sửa đổi bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ. - Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ. - Nghị định số 80/2022/NĐ-CP ngày 13/10/2022 của Chính phủ. - Điều 24 Nghị định số 32/2026/NĐ-CP ngày 21/01/2026 của Chính phủ.